

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiêu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường, vụ án thụ lý số 492/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh T.

Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông D trình ông: Ông với bà D chung sống vợ chồng vào năm 1987, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Kể từ ngày 29/01/2020, ông và bà D đã ly thân cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên ông khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà D.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Thanh L, sinh năm 1988, đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D và bà D theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà D là hợp pháp. Ông D xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D yêu cầu xin ly hôn với bà D. Nhưng bà D cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của ông D nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông D có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông D với bà D có một người con chung tên tên Lê Thanh L, sinh năm 1988, hiện đã thành niên, ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung; bà D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Thanh D ly hôn với bà Lê Thị D.

2. Án phí: Ông Lê Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006001 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy ông D đã thi hành xong án phí.

3. Ông D, bà D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức